

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2519 /2023/KDTM-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Quang Chính

2/ Bà Trần Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 và ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3263/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần sản xuất-thương mại S

Địa chỉ: Lô 6 đường E, KCN Tân Tạo, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Bá T– Tổng Giám đốc

Đại diện ủy quyền: Ông Hà Xuân N (có mặt)

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng M

Địa chỉ: 16 Lê Quang Đạo, phường Mỹ An, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2022 và lời khai tại tòa, nguyên đơn và đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Hà Xuân N trình bày:

Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng M (gọi tắt là Công ty M) đã ký Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 042705/SMC/PKD/HĐ/2020 ngày 27/05/2020 (gọi tắt là Hợp đồng). Theo Hợp đồng, Công ty M chấp thuận cho Công ty S cung cấp bê tông trộn sẵn với nội dung:

- Địa điểm cung cấp: Khu biệt thự Vin Homes Grand Park, phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tổng giá trị hợp đồng: Tính theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế;
- Điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Hạn mức dư nợ nhỏ hơn hoặc bằng 1.000.000.000 đồng. Công ty M thanh toán cho Công ty S 100% giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp bê tông.

Thực hiện Hợp đồng, từ tháng 05/2020 đến tháng 01/2021, Công ty S đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty M với tổng giá trị bê tông đã cung cấp 7.772.808.000 đồng. Công ty M đã thanh toán cho Công ty S 6.454.390.000 đồng, còn nợ 1.318.418.000 đồng.

Ngày cung cấp bê tông sau cùng là ngày 25/01/2021. Thời hạn thanh toán sau cùng theo thỏa thuận trong Hợp đồng là ngày 25/02/2021. Do đó khoản nợ 1.318.418.000 đồng được coi là chậm trả kể từ ngày 26/02/2021.

Ngày 31/12/2021, Công ty S và Công ty M ký Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó hai bên xác nhận Công ty M còn nợ Công ty S số tiền 1.318.418.000 đồng.

Do Công ty M đã chậm thanh toán cho Công ty S khoản nợ 1.318.418.000 đồng kể từ ngày 26/02/2021. Công ty S đã nhiều lần đề nghị Công ty M thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng chưa được thanh toán. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty S có quyền yêu cầu Công ty M, ngoài việc phải thanh toán ngay khoản nợ quá hạn còn phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Công ty Sn khởi kiện Công ty M yêu cầu Công ty M phải trả ngay cho Công ty S số tiền còn nợ là 1.318.418.000 đồng và số tiền lãi do chậm trả với lãi suất 13,5%/năm (tương đương 0,0369%/ngày) trên số tiền chậm trả, tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày trả hết nợ, tạm tính đến ngày 09/09/2022 là 272.437.896 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.318.418.00 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 13,5%/năm từ ngày 26/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 13/7/2023) là 421.792.242 đồng.

Đại diện nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả thành 06 kỳ trong vòng 06 tháng, cụ thể: 05 kỳ đầu vào ngày 15/8/2023, ngày 15/9/2023, ngày 15/10/2023, ngày 15/11/2023, ngày 15/12/2023 mỗi kỳ trả 290.000.000 đồng, kỳ cuối ngày 15/01/2024 trả số tiền 290.210.242 đồng. Trường hợp Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong bất kỳ đợt thanh toán nào nêu trên thì Công ty S có quyền yêu cầu thi hành toàn bộ phần nghĩa vụ thanh toán còn lại.

Bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần sản xuất- thương mại S tranh chấp công nợ xuất phát từ tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán với Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M. Xét tranh chấp giữa đôi bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và việc thực hiện hợp đồng tại phường Long Bình, Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M (Đại diện theo pháp luật ông Trần Văn D – Chủ tịch Hội đồng thành viên) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng kinh tế số 042705/SMC/PKD/HĐ/2020 ngày 27/5/2020 thì Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S có ký hợp đồng cung cấp bê tông

trộn sẵn cho Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M tại công trình khu biệt thự Vinhomes Grand Park, phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ theo từng đợt.

Căn cứ bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2021 có xác nhận của ông Trần Văn D – Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M thì Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M còn nợ Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S số tiền 1.318.418.000 đồng. Theo các công văn đề nghị thanh toán ngày 30/3/2022, ngày 11/5/2022 và ngày 09/8/2022, Công ty Cổ phần sản xuất- thương mại S yêu cầu Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M trả số tiền nợ 1.318.418.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền này.

Ngày 14/10/2022, Tòa án thụ lý vụ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa do Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S kiện yêu cầu Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M trả số tiền còn nợ và lãi chậm thanh toán. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm bản khai, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến về việc đã trả số nợ và lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên và lời khai của đại diện nguyên đơn có cơ sở xác định Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M có mua hàng của Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S và chưa thanh toán số tiền mua hàng 1.318.418.000 đồng. Xét việc Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M chậm thanh toán số tiền mua hàng là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần sản xuất- thương mại Sài Gòn buộc Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M thanh toán số tiền 1.318.418.000 đồng.

[4]. Về yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 13,5%/năm (tương ứng 0,0369%/ngày) trên số tiền chậm thanh toán 1.318.418.000 đồng từ ngày 26/02/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều III Hợp đồng các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán: *“Căn cứ theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng(được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Bên A tại công trình), cứ 15 ngày Bên B tổng hợp khối lượng và xuất hóa đơn cho Bên A, Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp beton”*.

Căn cứ Biên bản xác nhận khối lượng bê tông ngày 25/01/2021 thì hạn chót Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M phải thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S là ngày 25/02/2021. Như vậy Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M phải chịu lãi chậm thanh toán kể từ ngày 26/02/2021.

Theo Điều 306 Luật Thương mại qui định *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”*.

Theo Công văn 446/CV-CNĐSG-PTH ngày 16/6/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì lãi suất cho vay thấp nhất là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Theo Thông báo 02/LSVN-CV/23 ngày 18/4/2023 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì lãi suất cho vay trung dài hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Theo Thông báo 333/NHNo.CN9-KHDN ngày 17/4/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất cho vay thấp nhất là 11,1%/năm, lãi suất quá hạn 12,21%/năm. Như vậy lãi suất trung bình quá hạn là 16,07%/năm (tương đương 1,339%/tháng, 0,04463%/ngày).

Xét nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 13,5%/năm (tương đương 0,0369%/ngày) trên số tiền chậm thanh toán 1.318.418.000 đồng thấp hơn so với lãi suất trung bình quá hạn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S từ ngày 26/02/2021 cho đến ngày 13/7/2023 (Tòa án xét xử) là: $1.318.418.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/năm$ (tương đương 0,0369%/ngày) $\times 2$ năm 04 tháng 17 ngày (tương đương 867 ngày) = 421.792.242 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M phải thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất- thương mại S là 1.740.210.242 đồng. Xét đại diện nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả thành 06 kỳ trong vòng 06 tháng, cụ thể: 05 kỳ đầu vào ngày 15/8/2023, ngày 15/9/2023, ngày 15/10/2023, ngày 15/11/2023, ngày 15/12/2023 mỗi kỳ trả 290.000.000 đồng, kỳ cuối vào ngày 15/01/2024 trả số tiền 290.210.242 đồng. Trường hợp Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong bất kỳ đợt thanh toán nào nêu trên thì Công ty S có quyền yêu cầu thi hành toàn bộ phần nghĩa vụ thanh toán còn lại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại trên tổng số tiền phải trả 1.740.210.242 đồng là $(36.000.000 \text{ đồng} + 940.210.242 \text{ đồng} \times 3\%) = 64.206.307 \text{ đồng}$.

Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.862.838 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0006083 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét đề nghị của kiểm sát viên về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại M số tiền nợ 1.318.418.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 421.792.242 đồng trong vòng 06 tháng, cụ thể như sau:

- + Ngày 15/8/2023 thanh toán số tiền 290.000.000 đồng.
- + Ngày 15/9/2023 thanh toán số tiền 290.000.000 đồng.
- + Ngày 15/10/2023 thanh toán số tiền 290.000.000 đồng.
- + Ngày 15/11/2023 thanh toán số tiền 290.000.000 đồng.
- + Ngày 15/12/2023 thanh toán số tiền 290.000.000 đồng.
- + Ngày 15/01/2024 thanh toán số tiền 290.210.242 đồng.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng M vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong bất kỳ đợt thanh toán trên thì Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S có quyền yêu cầu thi hành toàn bộ phần nghĩa vụ thanh toán còn lại

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn trung bình tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng M phải nộp án phí 64.206.307 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần sản xuất -thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.862.838 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0006083 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo